

DỰ THẢO**KẾT LUẬN
CỦA BỘ CHÍNH TRỊ**

về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và một số chủ trương, định hướng đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số quốc gia, phát triển kinh tế số, xã hội số trong tình hình mới

Sau 5 năm thực hiện, Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27 tháng 9 năm 2019 về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư (Nghị quyết 52-NQ/TW) đã đạt được nhiều kết quả tích cực, góp phần thúc đẩy quá trình đổi mới mô hình tăng trưởng, cơ cấu lại nền kinh tế gắn với thực hiện các đột phá chiến lược và công nghiệp hóa, hiện đại hoá đất nước. Nhận thức và hành động phải chủ động tham gia tích cực và có hiệu quả cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã có sự chuyển biến tích cực, có sự lan tỏa ở các cấp, các ngành, các địa phương, nhất là người đứng đầu. Việc thực hiện các nội dung cốt lõi của chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư trọng tâm là phát triển kinh tế số, xây dựng đô thị thông minh, chính quyền điện tử, tiến tới chính quyền số đạt kết quả tích cực: Kinh tế số, xã hội số ngày càng phát triển mạnh mẽ, trung bình giai đoạn 2020 - 2023 đạt khoảng 12,62%, hóa đơn điện tử, thương mại điện tử, thanh toán không dùng tiền mặt đã được phổ cập, Việt Nam là quốc gia có tốc độ tăng trưởng kinh tế số nhanh nhất ở khu vực Đông Nam Á; Việc xây dựng chính phủ điện tử, tiến tới chính phủ số được triển khai quyết liệt, tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến tăng nhanh, đến nay đã có 16,4 triệu tài khoản trên Cổng Dịch vụ công quốc gia; trên 4500 dịch vụ công toàn trình được tích hợp; cung cấp 71,8% thủ tục hành chính, 43/53 dịch vụ công thiết yếu của Đề án 06; tỷ lệ dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4 tích hợp lên Cổng dịch vụ công quốc gia đạt trên 37%; Trục liên thông văn bản quốc gia lũy kế đến nay có hơn 28,2 triệu văn bản gửi, nhận trên Trục, trung bình mỗi tháng có khoảng 700 nghìn văn bản gửi nhận. Đề án phát triển đô thị thông minh bền vững được tập trung triển khai, đến nay cả nước đã có 37/51 tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương đã phê duyệt đề án phát triển đô thị thông minh; Trung tâm quản lý, điều hành, xử lý tập trung thông minh (Trung tâm IOC) đã được triển khai với quy mô cấp tỉnh (43 địa phương) hoặc cấp đô thị (26 địa phương), một số địa phương triển khai ở cả 2 cấp. Chỉ số đổi mới sáng tạo toàn cầu (GII) của Việt Nam liên tục được cải thiện, duy trì vị trí thứ 4 trong ASEAN, giữ vững trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu về đổi mới sáng tạo. Hạ tầng số, nền tảng số được quan tâm đầu tư và có bước phát triển, tính đến nay đã có 100% xã, phường, thị trấn kết nối Internet cáp quang, mạng 4G phủ sóng 99,85% dân số, tốc độ truy

cập mạng băng rộng cố định năm 2023 xếp thứ 41 và cao hơn trung bình thế giới, đứng thứ 4 ở khu vực Đông Nam Á. Cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành được đẩy mạnh triển khai và kết nối, tích hợp, chia sẻ dữ liệu; các cơ sở dữ liệu mang tính nền tảng như: Dân cư, thuế, bảo hiểm, doanh nghiệp, giáo dục và đào tạo... được vận hành ổn định, mang lại hiệu quả tích cực. Tập trung hình thành hệ thống trung tâm dữ liệu quốc gia, Trung tâm Đổi mới sáng tạo quốc gia (NIC). Số hóa các ngành kinh tế và công nghệ số được áp dụng trong nhiều ngành, lĩnh vực; xuất hiện ngày càng nhiều hình thức kinh doanh, dịch vụ mới, xuyên quốc gia, dựa trên nền tảng công nghệ số và Internet đang tạo nhiều cơ hội việc làm, thu nhập, tiện ích, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân. Năm 2023, Doanh thu lĩnh vực Công nghiệp ICT ước đạt 142 tỷ USD, tăng 18,3% so với năm 2020; Doanh thu thương mại điện tử tăng từ 11,8 tỷ USD năm 2020 lên 20,5 tỷ USD năm 2023. Chuyển đổi số được triển khai mạnh mẽ trong các cơ quan đảng, nhà nước, Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội; đã thành lập Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số và triển khai Tổ công nghệ số cộng đồng đến cấp xã. An toàn thông tin, an ninh mạng tiếp tục được quan tâm.

Tuy nhiên, việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW vẫn còn một số hạn chế: khả năng hoàn thành một số mục tiêu, chỉ tiêu quan trọng đặt ra là rất thách thức như Năng suất lao động và Tỷ trọng kinh tế số trong GDP. Chuyển đổi số còn khoảng cách lớn giữa thành thị và nông thôn. Phát triển hạ tầng còn nhiều bất cập, triển khai các nền tảng số quốc gia, cơ sở dữ liệu quốc gia, chuyên ngành còn chậm, chưa đồng bộ; việc kết nối, liên thông trong chia sẻ dữ liệu giữa các bộ, ngành, địa phương còn nhiều hạn chế, vướng mắc, chưa khắc phục được tình trạng cát cứ thông tin, manh mún, chia cắt. Hệ thống định mức, đơn giá về dịch vụ công nghệ thông tin chưa phù hợp với tình hình thực tế. Triển khai phát triển đô thị thông minh và thúc đẩy sản xuất thông minh còn chậm, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn cho sản xuất thông minh chưa đổi mới kịp thời. Chất lượng đổi mới sáng tạo quốc gia chưa cao, còn hạn chế nằm ở các chỉ số về cơ sở hạ tầng, môi trường thể chế, giáo dục. Quy mô ngành công nghiệp công nghệ số lớn tuy nhiên phụ thuộc vào doanh nghiệp FDI, giá trị gia tăng còn thấp, chủ yếu là gia công. Còn thiếu nguồn nhân lực cho chuyển đổi số, cơ cấu và chất lượng nguồn nhân lực chưa đáp ứng được yêu cầu, phân bố chưa đồng đều. Việc phổ cập kỹ năng số cho lực lượng lao động làm việc trong các ngành nghề khác nhau và cho người dân còn chậm; Nguy cơ mất an ninh, an toàn thông tin vẫn còn ở mức cao.

Bên cạnh nguyên nhân khách quan về sự thay đổi nhanh chóng của Cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư, tình hình biến động khó đoán định của thế giới, khu vực, những bất cập, hạn chế trên chủ yếu là do việc thể chế hóa chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật còn chậm, chưa theo kịp yêu cầu thực tiễn nhất là cơ chế, chính sách cho đổi mới sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh tế mới dựa trên nền tảng công nghệ số, Internet và

không gian mạng; chậm ban hành khung thể chế thử nghiệm có kiểm soát đối với các công nghệ, sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới hình thành từ cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư... Công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện chủ trương, chính sách của Đảng chủ động tham gia cuộc CMCN lần thứ tư còn chưa quyết liệt, nhận thức và ý thức, trách nhiệm của một bộ phận cán bộ, công chức, viên chức về thúc đẩy ứng dụng công nghệ thông tin, chuyển đổi số còn hạn chế, chưa coi chuyển đổi số là nhiệm vụ trọng tâm, chưa thực sự quan tâm, chỉ đạo, ưu tiên nguồn lực cho chuyển đổi số. Công tác phối hợp, triển khai thực hiện giữa các ban, bộ, ngành, giữa Trung ương với các địa phương còn thiếu chủ động, chưa chặt chẽ và đồng bộ; Công tác kiểm tra, giám sát và đặc biệt là vai trò đôn đốc, theo dõi của Ban Chỉ đạo các cấp trong việc thực hiện Nghị quyết vẫn chưa thường xuyên, kịp thời.

Trước xu thế tác động ngày càng mạnh mẽ của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đẩy nhanh quá trình thực hiện chuyển đổi kép nền kinh tế kết hợp chuyển đổi số và chuyển đổi xanh, để thực hiện tốt Nghị quyết 52-NQ/TW đáp ứng yêu cầu phát triển nhanh và bền vững đất nước, yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội tiếp tục quán triệt và triển khai thực hiện đồng bộ, hiệu quả các quan điểm, mục tiêu, nhiệm vụ và giải pháp nêu tại Nghị quyết 52-NQ/TW; kịp thời khắc phục các hạn chế, tồn tại đã được chỉ ra, đồng thời thực hiện tốt một số định hướng, nhiệm vụ và giải pháp trọng tâm sau đây:

1. Nâng cao hơn nữa sự thống nhất trong nhận thức, tư duy; tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy sự tham gia của Mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị-xã hội

Tiếp tục thống nhất, nâng cao nhận thức, tư duy, hành động và quyết liệt trong tổ chức thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Chuyển đổi số phải thiết thực, hiệu quả và gắn kết với chuyển đổi xanh, lấy người dân, doanh nghiệp làm trung tâm; phải toàn diện, đồng bộ trên cả ba trụ cột, gồm Chính phủ số, Kinh tế số và Xã hội số; Có chiến lược bài bản, thực hiện có trọng tâm, trọng điểm, tạo sự thay đổi phương thức quản lý, vận hành, quản trị xã hội, góp phần xây dựng nền kinh tế độc lập, tự chủ gắn với hội nhập quốc tế sâu rộng, thực chất, hiệu quả, tạo nền tảng để thực hiện mục tiêu công nghiệp hóa, hiện đại hóa đất nước.

Quán triệt sâu rộng trong các tổ chức đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và đoàn thể nhân dân, doanh nghiệp và toàn xã hội về vị trí, vai trò, mục tiêu, nhiệm vụ của chuyển đổi số để tạo sự thống nhất, quyết tâm chính trị cao trong triển khai thực hiện, phát huy vai trò tiên phong của khu vực công trong thực hiện chuyển đổi số. Rà soát kiện toàn các Ban chỉ đạo chuyển đổi số các cấp, bảo đảm tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp uỷ, sự quản lý của chính quyền các cấp đối với công tác chuyển đổi số. Người đứng đầu các cấp, các ngành phải tiên phong, đi đầu trong

việc chuyển đổi số, chịu trách nhiệm trực tiếp chỉ đạo chuyển đổi số nhằm nâng cao năng suất lao động, hiệu quả hoạt động của ngành, lĩnh vực, địa phương, cơ quan, đơn vị được giao phụ trách; lấy kết quả việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu. Cụ thể hóa các chỉ tiêu của chuyển đổi số trong các chiến lược, quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội hàng năm và giai đoạn.

Quán triệt rõ yêu cầu phải có cách tiếp cận mở, vận dụng sáng tạo, cho phép thí điểm đối với những vấn đề thực tiễn mới đặt ra, chưa được quy định bởi các văn bản quy phạm pháp luật, khi đạt đến quy mô nhất định, tổ chức đánh giá để xây dựng hành lang pháp lý cần thiết; chấp nhận rủi ro và độ trễ trong nghiên cứu khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo theo thông lệ và chuẩn mực quốc tế.

Tăng cường vai trò chỉ đạo, điều phối triển khai các hoạt động chuyển đổi số của Ủy ban Quốc gia về chuyển đổi số. Phát huy vai trò của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, Tổ công nghệ số cộng đồng trong công tác vận động, tuyên truyền, giám sát, thực thi các chính sách có liên quan đến cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư. Nâng cao hiệu quả và đưa công tác tuyên truyền về Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đi vào chiều sâu, phù hợp với từng nhóm đối tượng; phổ biến, nhân rộng kịp thời các mô hình thí điểm, các điển hình tiên tiến.

2. Tiếp tục xây dựng, hoàn thiện thể chế, chính sách, pháp luật tạo thuận lợi cho chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư và đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số quốc gia

Tập trung rà soát, tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc để sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực chuyên ngành để đáp ứng yêu cầu điều chỉnh các mối quan hệ mới phát sinh trong tiến trình chuyển đổi số và phù hợp với đặc thù của từng ngành, lĩnh vực như: nghiên cứu, xây dựng các khu thử nghiệm dành cho doanh nghiệp công nghệ theo mô hình tiên tiến của thế giới; Hoàn thiện chính sách ưu tiên, ưu đãi sản phẩm công nghệ thông tin, công nghệ số sản xuất trong nước, đặt hàng sản xuất và mua sắm công đối với các sản phẩm công nghệ số do Việt Nam sản xuất; Ban hành các chính sách hạn chế các tác động tiêu cực của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư để không ai bị bỏ lại phía sau; đẩy nhanh tiến độ phê duyệt và ban hành khuôn khổ thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) trong một số ngành, lĩnh vực có mức độ sẵn sàng cao tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...

Khẩn trương sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mới các văn bản pháp luật nhằm hoàn thiện hành lang pháp lý cho sự phát triển các công nghệ mới và thúc đẩy tiến trình chuyển đổi số như: Luật Công nghiệp công nghệ số, Luật Dữ liệu, Luật Bảo vệ dữ liệu cá nhân, Luật Khoa học và công nghệ (sửa đổi); Nghiên cứu, xem xét việc xây dựng và ban hành Luật Đầu tư mạo hiểm để thúc đẩy khả năng đầu tư đổi mới sáng tạo; nghiên cứu, đề xuất sửa đổi luật và văn bản liên quan đến thương mại điện tử; nghiên cứu xây dựng Chiến lược phát triển thương mại điện tử nhằm quản

lý, phát triển các nền tảng thương mại điện tử trong nước, xuyên biên giới, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người dân và doanh nghiệp...

Hoàn thiện cơ chế về tài chính và đầu tư cho chuyển đổi số, phát triển công nghiệp số, nền tảng số, hạ tầng số; khẩn trương ban hành các hướng dẫn cụ thể về chi đầu tư công và chi thường xuyên đối với các hạng mục liên quan đến chuyển đổi số; Xây dựng và hoàn thiện định mức, hệ thống tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chuyển đổi số, công nghệ số, an toàn, an ninh mạng; ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích việc thuê/đầu tư áp dụng các sản phẩm công nghệ số; bổ sung mục lục ngân sách riêng về chuyển đổi số trong hệ thống mục lục ngân sách nhà nước.

Đẩy nhanh thể chế hóa các nghị quyết, kết luận của Đảng có liên quan đến hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển và ứng dụng công nghệ, đổi mới sáng tạo. Nghiên cứu, bổ sung và ban hành luật pháp, chính sách theo hướng thống nhất đầu mối quản lý hoạt động đổi mới sáng tạo, tránh chồng chéo; tạo cơ chế thu hút đầu tư trong lĩnh vực công nghệ cao, thúc đẩy đầu tư đổi mới sáng tạo, khởi nghiệp sáng tạo, có cơ chế cho doanh nghiệp nhà nước thực hiện đầu tư nghiên cứu phát triển công nghệ, đầu tư mạo hiểm, đầu tư vào khởi nghiệp đổi mới sáng tạo... Có cơ chế chính sách, giải pháp đột phá, vượt trội, cơ chế thử nghiệm chính sách mới, rủi ro nhằm thúc đẩy phát triển, ứng dụng, chuyển giao các lĩnh vực khoa học, công nghệ có tính nền tảng, ưu tiên, mũi nhọn, công nghệ cao, công nghệ lõi, công nghệ nguồn, công nghệ mới và chuyển đổi số. Hoàn thiện quy định pháp luật về sở hữu trí tuệ, bảo hộ và khai thác hiệu quả, hợp lý các tài sản trí tuệ do Việt Nam tạo ra; khuyến khích thương mại hoá và chuyển giao quyền sở hữu trí tuệ. Bổ sung quy định về mua sắm công đối với các sản phẩm, hàng hóa là kết quả của hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và ĐMST để thúc đẩy thương mại hóa. Nghiên cứu sửa đổi quy định về Quỹ Phát triển KH&CN quốc gia là đơn vị sự nghiệp công lập, được cấp kinh phí cấp hàng năm dựa trên kết quả hoạt động; sửa đổi, bổ sung quy định với Quỹ Phát triển KH&CN của bộ, ngành, địa phương theo hướng mở, tùy tình hình thực tiễn có thể thành lập hoặc không thành lập quỹ; sửa đổi, bổ sung quy định về nội dung chi của Quỹ phát triển KH&CN của doanh nghiệp để thuận lợi và phù hợp với hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ và đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp;

Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút và đãi ngộ, hệ thống chức danh, vị trí việc làm phù hợp đối với cán bộ, công chức, viên chức chuyển đổi số và an toàn thông tin mạng, an ninh mạng; bổ sung các chính sách ưu đãi về thuế thu nhập cá nhân, quyền sử dụng, quyền thuê đất và nhà ở, ưu đãi cấp nhà ở, phương tiện đi lại..., cơ chế chi trả thù lao xứng đáng nhằm thu hút nhà khoa học đầu ngành là người Việt Nam ở nước ngoài, chuyên gia nước ngoài hoạt động nghiên cứu khoa học, phát triển công nghệ ở Việt Nam trong các ngành, lĩnh vực ưu tiên (công nghệ nền, công nghệ lõi, công nghệ mới của cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư...) mà trong nước chưa có đủ nhân lực.

3. Đầu tư mạnh mẽ và có trọng tâm, trọng điểm thúc đẩy phát triển hạ tầng thiết yếu đáp ứng yêu cầu của Cách mạng công nghiệp lần thứ tư

Sửa đổi, bổ sung các cơ chế chính sách ưu đãi đầu tư đối với các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng số, hạ tầng viễn thông sử dụng giải pháp, công nghệ tiết kiệm năng lượng, thân thiện môi trường. Nghiên cứu, đánh giá, hoàn thiện cơ chế phân bổ tài nguyên viễn thông (tần số vô tuyến điện, kho số viễn thông, tên miền Internet) theo hướng phù hợp với thông lệ quốc tế, bảo đảm phân bổ kịp thời, tạo thuận lợi để doanh nghiệp có tài nguyên viễn thông phục vụ phát triển hạ tầng, cung cấp dịch vụ, từ đó nâng cao hiệu quả sử dụng tài nguyên. Xây dựng các cơ chế chính sách sử dụng hiệu quả nguồn vốn từ đấu giá quyền sử dụng tài nguyên viễn thông để tái đầu tư phát triển, mở rộng hạ tầng viễn thông băng rộng. Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, phát triển hạ tầng và các dịch vụ điện toán đám mây; có chính sách thúc đẩy sử dụng hạ tầng và các dịch vụ điện toán đám mây do doanh nghiệp Việt Nam cung cấp.

Ưu tiên nguồn lực, đẩy mạnh phát triển hạ tầng cho chuyển đổi số, trọng tâm là các nền tảng: định danh và xác thực điện tử, thanh toán điện tử, hóa đơn điện tử, chia sẻ dữ liệu và các nền tảng số khác có tính hạ tầng để thúc đẩy phát triển các dịch vụ số cho xã hội, giữa các ngành, lĩnh vực. Tăng cường đầu tư phát triển các hệ thống truyền dẫn quốc tế, truyền dẫn trong nước dung lượng lớn, bảo đảm nhu cầu dự phòng, kết nối đa dạng, an toàn, bền vững; Tăng cường kết nối, đồng bộ giữa các quy hoạch liên quan đến hạ tầng thông tin và truyền thông với các quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và không gian quốc gia, với quy hoạch, kế hoạch về công trình năng lượng; bảo đảm bố trí đất và việc cung cấp điện cho các hạ tầng trung tâm dữ liệu. Tập trung thúc đẩy, thực hiện các phương án triển khai thương mại hóa dịch vụ 5G, xây dựng hệ sinh thái các dịch vụ, ứng dụng khai thác hiệu quả công nghệ 5G, mạng băng rộng di động 5G phủ sóng 99% dân số, hướng tới phát triển mạng di động tiên tiến thế hệ tiếp theo; đầu tư nâng cao chất lượng mạng di động, xóa bỏ các vùng lõm sóng. Hạ tầng viễn thông phải được phát triển, đi trước một bước, đáp ứng nhu cầu kết nối tốc độ cao, phục vụ xu thế phát triển các hệ thống tự động hoá trên diện rộng.

Tập trung phát triển, thu hút đầu tư phát triển hạ tầng dữ liệu, bao gồm: các trung tâm dữ liệu (trung tâm dữ liệu quy mô lớn/hyperscale, trung tâm dữ liệu phục vụ trí tuệ nhân tạo, trung tâm dữ liệu biên,...). Hình thành và triển khai các Trung tâm dữ liệu quốc gia, các cụm trung tâm dữ liệu đa mục tiêu cấp vùng theo tiêu chuẩn xanh, kết nối và chia sẻ tạo thành mạng lưới các cụm trung tâm dữ liệu nhằm thúc đẩy công nghiệp dữ liệu lớn. Xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu quốc gia, cơ sở dữ liệu chuyên ngành, kết nối dùng chung, phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Hướng dẫn kỹ thuật về kết nối, chia sẻ, sử dụng chung các nền tảng số quốc gia bảo đảm an toàn, sử dụng hiệu quả tài nguyên dữ liệu.

Xây dựng, phát triển khu công nghệ số trên cả nước tạo cơ sở hạ tầng kỹ thuật và môi trường kinh doanh thuận lợi cho các doanh nghiệp công nghệ số và phù hợp với Chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của cả nước, vùng và địa phương. Hoàn thiện đồng bộ hành lang pháp lý và chính sách thúc đẩy phát triển khu công nghệ số.

Phát triển một số tập đoàn kinh tế, doanh nghiệp nhà nước, doanh nghiệp tư nhân trong nước có quy mô lớn, hoạt động hiệu quả, có năng lực cạnh tranh quốc tế, đóng vai trò dẫn dắt, trụ cột trong phát triển hạ tầng số. Phát huy nội lực, tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế tham gia phát triển viễn thông, hạ tầng số. Tăng cường liên kết liên ngành, ứng dụng hạ tầng viễn thông, hạ tầng số để phát triển các ứng dụng số, thúc đẩy chuyển đổi số trong các ngành công nghiệp. Thúc đẩy doanh nghiệp tái đầu tư hạ tầng, đầu tư nghiên cứu và phát triển (R&D).

4. Ưu tiên thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp mới, các mô hình, lĩnh vực, phương thức, ngành kinh doanh, công nghệ mới

Tập trung nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới như công nghệ bản sao số, chuỗi khối (Blockchain), dữ liệu lớn (Bigdata) trí tuệ nhân tạo (AI), Nhận diện khuôn mặt FaceID, Truyền nhận dữ liệu Li-Fi, Internet vệ tinh băng thông rộng, công nghệ điện toán đám mây (Cloud Computing), an ninh mạng, bán dẫn, vi xử lý, thực tế ảo/thực tế tăng cường, dữ liệu lớn, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số quốc gia, nền tảng số ngành phục vụ phát triển kinh tế số và xã hội số. Tăng cường ứng dụng mạnh mẽ công nghệ số trong mọi lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội để hình thành công nghiệp công nghệ số. Phát triển công nghiệp bán dẫn dựa trên khoa học công nghệ và đổi mới sáng tạo; xây dựng hệ sinh thái đổi mới sáng tạo về bán dẫn, tạo môi trường thuận lợi thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng và thương mại hóa các sản phẩm bán dẫn tại Việt Nam, làm nền tảng vươn ra thị trường thế giới.

Nghiên cứu hoàn thiện các cơ chế, chính sách về công nghiệp công nghệ thông tin, tiến tới xây dựng hệ thống pháp luật về công nghiệp công nghệ số tạo thuận lợi cho phát triển đột phá, đổi mới sáng tạo. Ưu tiên ban hành cơ chế thử nghiệm có kiểm soát (sandbox) đối với sản phẩm, dịch vụ công nghệ số chưa có quy định điều chỉnh.

Nâng cao năng lực làm chủ công nghệ số, nghiên cứu, sáng tạo sản phẩm, dịch vụ công nghệ số thiết kế, sản xuất trong nước có chất lượng và thương hiệu. Đặt hàng, giao nhiệm vụ cho việc nghiên cứu các công nghệ lõi về công nghệ số phục vụ các lợi ích kinh tế - xã hội, đảm bảo quốc phòng, an ninh, năng lượng có mục tiêu lưỡng dụng, có tác động đến tăng năng suất, chất lượng và sức cạnh tranh của cả nền kinh tế. Đầu tư xây dựng các phòng thí nghiệm trọng điểm quốc gia, trung tâm tính toán hiệu năng cao phục vụ cho việc nghiên cứu, phát triển; trung tâm kiểm thử, đánh giá chất lượng sản phẩm, dịch vụ công nghệ số; xây dựng cơ chế cho các doanh nghiệp, đặc biệt doanh nghiệp nhỏ và vừa cùng khai thác sử dụng.

5. Phát triển kinh tế số, đưa dữ liệu số trở thành yếu tố sản xuất mới, mở ra tiềm năng và không gian phát triển mới của quốc gia

Coi dữ liệu là tài nguyên mới và yếu tố sản xuất mới của kinh tế số. Khẩn trương nghiên cứu, xem xét để ban hành Luật Dữ liệu theo hướng xây dựng thị trường dữ liệu, đưa dữ liệu trở thành yếu tố sản xuất của nền kinh tế. Triển khai hiệu quả các chiến lược dữ liệu quốc gia, của bộ, ngành, địa phương theo từng giai

đoạn, thời kỳ đề thúc phát triển dữ liệu, kinh tế dữ liệu. Xác lập các quyền về dữ liệu như: quyền nắm giữ tài nguyên dữ liệu, quyền sử dụng và quyền quản lý sản phẩm dữ liệu. Đồng thời, cần xác lập các phương thức giao dịch và lưu thông dữ liệu như: hệ thống các tiêu chuẩn, quy chuẩn điều chỉnh; hệ thống thị trường, sàn giao dịch để hoạt động trao đổi, mua bán hợp pháp dữ liệu diễn ra; tạo lập hệ sinh thái và từng bước liên thông với thị trường dữ liệu quốc tế. Trước mắt, thí điểm triển khai sàn giao dịch dữ liệu tại Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh. Đưa dữ liệu được hạch toán thành tài sản trong báo cáo tài chính của doanh nghiệp. Nâng cao nhận thức về an toàn dữ liệu và bảo đảm an toàn dữ liệu, phát triển dữ liệu gắn với bảo đảm an toàn dữ liệu cá nhân, thông tin cá nhân.

Ưu tiên phát triển kinh tế số các ngành, lĩnh vực chiếm tỷ trọng chủ yếu trong nền kinh tế số và hoạt động kinh tế trên không gian số như tài chính, ngân hàng, thương mại... Xác định, lựa chọn một số ngành, lĩnh vực tiềm năng, dư địa lớn, và điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế số bao gồm: nông nghiệp; du lịch; logistics và công nghiệp chế biến, chế tạo. Tiếp tục hoàn thiện hệ thống đo lường kinh tế số, định giá dữ liệu để kịp thời đánh giá đúng tình hình phát triển kinh tế số.

6. Xây dựng và triển khai các chủ trương chính sách của cuộc cách mạng công nghiệp 4.0 để chuyển đổi số bảo đảm yêu cầu bao trùm, không ai bỏ lại phía sau, hạn chế các tác động tiêu cực

Nghiên cứu xây dựng và kịp thời ban hành khuôn khổ pháp lý quy định và thúc đẩy sự phát triển của các sản phẩm ứng dụng công nghệ mới của cuộc CMCN 4.0 như ứng dụng công nghệ chuỗi khối, trí tuệ nhân tạo (AI), IoT..., trong đó lưu ý các quy định về quyền cá nhân, đạo đức khi ứng dụng trí tuệ nhân tạo; quy tắc ứng xử dành cho máy móc, trí tuệ nhân tạo theo hướng: quy tắc và quy định ứng xử của AI đối với con người phải là một phần trong bộ dữ liệu và chương trình huấn luyện AI để ngay từ đầu AI không có định hướng xâm phạm quyền cơ bản của con người, mọi hoạt động tương tác giữa AI với AI phải có sự giám sát, điều khiển của con người và con người có quyền ngắt kết nối AI với AI, AI với người nếu kết nối đó có khả năng xâm phạm quyền cơ bản của con người... Nghiên cứu và sớm ban hành cơ chế kiểm soát rủi ro, miễn trừ trách nhiệm trong nghiên cứu, thử nghiệm công nghệ mới và ngăn chặn kịp thời các tác động tiêu cực cả về kinh tế và xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội trên không gian mạng.

Chú trọng và đề cao các quan hệ hợp tác và các sáng kiến khu vực, toàn cầu về kinh tế số, xã hội số trong việc giải quyết các thách thức liên quan đến kết nối số, hài hòa hóa tiêu chuẩn, thúc đẩy thương mại số, nâng cao năng lực số và thu hẹp khoảng cách số; khuyến khích hoạt động doanh nghiệp nhất là doanh nghiệp vừa và nhỏ, hợp tác xã trong môi trường số và các vấn đề về bảo vệ người tiêu dùng, bảo vệ dữ liệu cá nhân.

Phát triển công dân số toàn diện với đầy đủ nhận thức, công cụ và kỹ năng số cơ bản để tham gia an toàn, lành mạnh trên môi trường mạng. Ưu tiên nâng cao kỹ năng sử dụng công nghệ số trong vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi thông qua việc hỗ trợ, khuyến khích doanh nghiệp công nghệ số lớn đầu tư, tăng cường

đào tạo chuyên giao công nghệ số. Nhanh chóng và thường xuyên thực hiện chuyển đổi, tái cấu trúc lực lượng lao động; thực hiện đào tạo, đào tạo lại, đào tạo nâng cấp kỹ năng để lực lượng lao động thích nghi với thay đổi nhanh của công nghệ; thay đổi mô hình đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng dựa trên công nghệ số. Tạo điều kiện để mỗi người dân đều có điều kiện tiếp cận, được trang bị kỹ năng số cơ bản, không ai bị bỏ lại phía sau.

Giảm thiểu các tác động tiêu cực mà công nghệ số mang lại tới môi trường, xã hội và người dân, đặc biệt tới đối tượng trẻ em, thanh thiếu niên và các đối tượng dễ bị tổn thương trên không gian mạng. Hình thành và duy trì môi trường mạng an toàn, lành mạnh, giảm thiểu chứng nghiện công nghệ và các tác động tiêu cực khác.

7. Nâng cao năng lực bảo đảm an ninh mạng, an toàn thông tin mạng, phòng, chống tội phạm mạng

Tập trung triển khai có hiệu quả các chủ trương, chỉ thị, nghị quyết của Đảng về ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đi đôi với bảo đảm an toàn thông tin, an ninh mạng, các chủ trương về bảo vệ Tổ quốc trên không gian mạng, bảo vệ an ninh mạng quốc gia nhằm nâng cao tiềm lực khoa học, công nghệ cũng như năng lực bảo đảm an ninh mạng, phòng, chống chiến tranh mạng. Hoàn thiện chính sách, pháp luật và nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về thông tin, truyền thông và an ninh mạng. Tổ chức thực hiện nghiêm Luật An toàn thông tin mạng, Luật An ninh mạng, Luật Bảo vệ bí mật nhà nước và các văn bản hướng dẫn thi hành. Nghiên cứu, tham mưu, đề xuất ban hành các chính sách, pháp luật về quản lý “tiền ảo”, “tài sản ảo”, dịch vụ trung gian thanh toán, chứng cứ điện tử, các rô-bốt trang bị trí tuệ nhân tạo...

Kiện toàn tổ chức, nâng cao năng lực bộ máy quản lý nhà nước về an toàn thông tin mạng từ Trung ương đến địa phương. Tập trung đầu tư có trọng tâm, trọng điểm vào các hệ thống thông tin quan trọng quốc gia và các hệ thống kỹ thuật phục vụ công tác bảo đảm an toàn thông tin mạng. Phát hiện, đấu tranh ngăn chặn sớm hoạt động tấn công mạng, gián điệp mạng, âm mưu, hoạt động chống phá của các thế lực thù địch, phản động trên mạng. Phát triển Cơ sở dữ liệu chống lừa đảo trực tuyến quốc gia; thúc đẩy Hệ sinh thái tín nhiệm mạng; Giám sát không gian mạng liên tục, phát hiện website, đối tượng giả mạo, lừa đảo.

Phát triển hệ sinh thái sản phẩm, dịch vụ an toàn, an ninh mạng Việt Nam, gắn với làm chủ công nghệ, bảo vệ chủ quyền và bảo đảm an toàn, an ninh mạng các hệ thống thông tin của cơ quan nhà nước. Có lộ trình phát triển các doanh nghiệp công nghệ thông tin và an ninh mạng, trong đó, lựa chọn các lĩnh vực mà Việt Nam có thế mạnh để ưu tiên phát triển. Có cơ chế, chính sách khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư, nghiên cứu, phát triển các sản phẩm công nghệ bảo đảm an ninh mạng, phát triển công nghiệp an ninh mạng.

8. Tổ chức thực hiện:

- Các tỉnh ủy, thành ủy, ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn trực thuộc Trung ương nghiên cứu, quán triệt, tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo, cụ thể hoá, xây

dựng chương trình, kế hoạch tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết số 52-NQ/TW và Kết luận này.

- Đảng đoàn Quốc hội, Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo rà soát, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện văn bản pháp luật có liên quan; bố trí đủ nguồn lực; tăng cường kiểm tra, thanh tra, giám sát việc thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

- Ban cán sự đảng Chính phủ chỉ đạo sửa đổi, bổ sung các văn bản dưới luật nhằm tạo khung khổ pháp lý cho thực hiện các chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; bố trí nguồn lực, xây dựng và tổ chức triển khai các chương trình, kế hoạch, đề án tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW và Kết luận này bảo đảm đồng bộ, khả thi, hiệu quả.

- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị-xã hội xây dựng chương trình, kế hoạch giám sát việc thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW và Kết luận này.

- Ban Kinh tế Trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan thường xuyên theo dõi, giám sát, kiểm tra, đôn đốc việc triển khai thực hiện Nghị quyết số 52-NQ/TW và Kết luận này; định kỳ sơ kết, tổng kết, báo cáo Bộ Chính trị, Ban Bí thư.

Nơi nhận:

- Các tỉnh uỷ, thành uỷ,
- Các ban đảng, ban cán sự đảng, đảng đoàn, đảng uỷ trực thuộc Trung ương,
- Các đảng uỷ đơn vị sự nghiệp Trung ương,
- Các đồng chí Ủy viên Ban Chấp hành Trung ương,
- Lưu Văn phòng Trung ương Đảng.

T/M BỘ CHÍNH TRỊ